



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN - XÂY DỰNG (DIC) SỐ 2
Địa chỉ : Số 5 Đường số 6 Khu Đô Thị Chí linh, Phường Thắng Nhất, TP Vũng Tàu.
Điện thoại : (84-64) 3.613.944 Fax : (84-64)3.582.017 – 3.616365
Website : www.dic-2.com Email : thanhhaidic2@gmail.com

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÁC TỪ VIẾT TẮT

DC2: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG (DIC) SỐ 2
DIG: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG
ĐHĐCĐ: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
HDQT: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BKS: BAN KIỂM SOÁT
BGD: BAN GIÁM ĐỐC
CBCNV: CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN
HNX: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN - XÂY DỰNG (DIC) SỐ 2

Địa chỉ : Số 5 Đường số 6 Khu Đô Thị Chí Linh, Phường Thắng Nhất, TP Vũng Tàu.

Điện thoại : (84-64) 3.613.944

Fax : (84-64)3.582.017 – 3.616365

Website : www.dic-2.com

Email : thanhhaidic2@gmail.com

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên gọi đầy đủ: **Công ty cổ phần đầu tư phát triển - Xây dựng (DIC) số 2**
- Tên giao dịch Quốc tế: Development Investment Contruction Number 2
Joint Stock Company.
- Tên viết tắt: DIC–No2
- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 3500707730 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 28/06/2005, thay đổi lần 7 ngày 18/07/2011.
- Vốn điều lệ : **25.200.000.000** đồng.
- Trụ sở chính : Số 5 đường số 6 khu đô thị Chí Linh, phường Thắng nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Số điện thoại: 064. 3613944 - Fax: 064. 3582017 – 3616365
- Web site : dic-2.com
- Mã cổ phiếu : DC2
- Sàn giao dịch: HNX

2. Quá trình hình thành và phát triển:

+ Ngày **22/04/2004** Bộ xây dựng ban hành quyết định số 741/QĐ-BXD về việc chuyển đổi bộ phận doanh nghiệp nhà nước “ Xí nghiệp xây dựng số 2 trực thuộc Công ty đầu tư phát triển xây dựng” thành công ty cổ phần với mức vốn điều lệ là 05 tỷ đồng.

+ Tháng **06/2007**; Công ty phát hành riêng lẻ 600.000 cổ phần nâng vốn điều lệ lên thành 11 tỷ đồng.

+ Niêm yết:

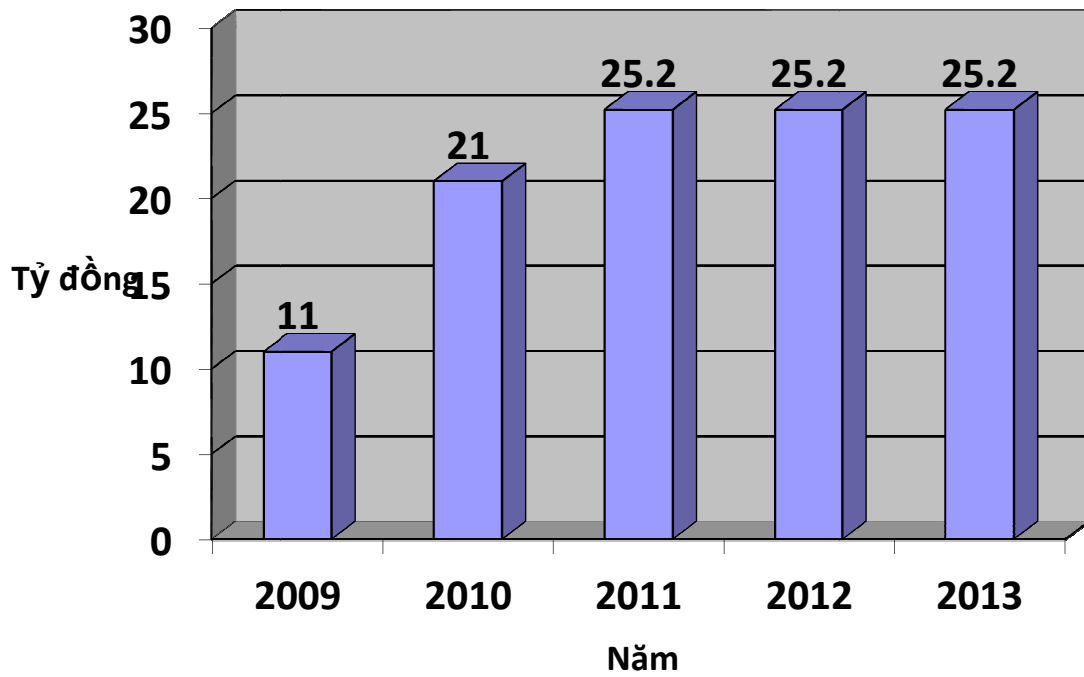
Ngày **02/07/2010**; 1.100.000 cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch phiên đầu tiên tại sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán: **DC2**

+ Các sự kiện khác:

Ngày **24/02/2011**; Niêm yết bổ sung 1.000.000 cổ phiếu, nâng số lượng cổ phiếu đang lưu hành lên thành **2.100.000** cổ phiếu.

Ngày **15/07/2011**; Niêm yết bổ sung 420.000 cổ phiếu, nâng số lượng cổ phiếu đang lưu hành lên thành **2.520.000** cổ phiếu.

+ BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG VỐN ĐIỀU LỆ



3. Ngành nghề kinh doanh:

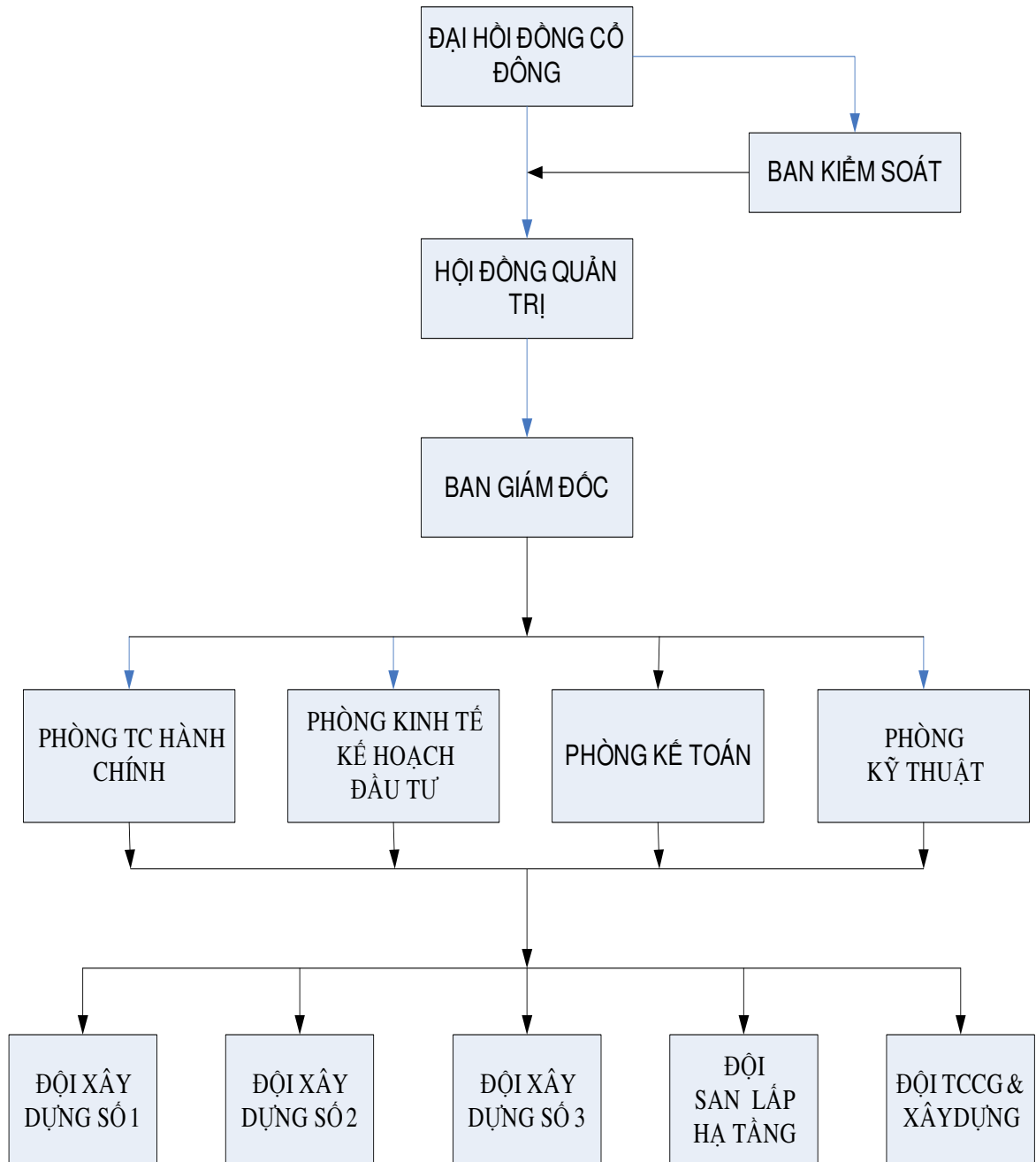
+ Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình nhà ở, công trình công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi, kinh doanh bất động sản, lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng, hoàn thiện công trình xây dựng.
- Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, đúc ép cọc bê tông cốt thép bằng máy ép thủy lực, xử lý nền móng công trình; khoan cọc nhồi bê tông; gia công cơ khí..
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng...

+ Địa bàn kinh doanh:

- Các tỉnh miền đông Nam bộ thuộc Khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam như Bà Rịa – Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương và một số tỉnh thành khác như Lâm đồng, Hậu Giang, Thành phố Cần Thơ...vv.

4. Thông tin về mô hình quản trị:



5. Định hướng phát triển:

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Đảm bảo quyền lợi, gia tăng giá trị tài sản của cổ đông và không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV và người lao động.
- Giữ vững và phát huy lĩnh vực xây lắp nhà cao tầng truyền thống, đầu tư chiều sâu vào lĩnh vực xử lý nền móng công trình, mở rộng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh.
- Từng bước xây dựng tác phong, văn hóa doanh nghiệp riêng nhằm xây dựng Công ty trở thành ngôi nhà chung của tập thể CBCNV-LĐ, là nơi gửi gắm niềm tin của nhà đầu tư, trở thành công ty xây lắp hàng đầu trong tổ hợp DIC, có đủ năng lực cạnh tranh với các công ty trong và ngoài nước.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Từng bước tăng quy mô vốn để mở rộng thị trường và phát triển sản xuất, mở rộng ngành nghề kinh doanh. Liên tục đổi mới, áp dụng công nghệ và các phương pháp thi công tiên tiến trên thế giới và không ngừng hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp nhằm đưa Công ty trở thành một trong các Công ty có đầy đủ tiềm lực, uy tín để cùng cạnh tranh lành mạnh với các Công ty trong và ngoài nước khác trong ngành về lĩnh vực xây dựng, xử lý nền móng công trình, đầu tư kinh doanh các dự án có quy mô vốn nhỏ và vừa.

6. Các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển - Xây dựng (DIC) số 2 hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng nhà ở, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, xây dựng khu đô thị mới. Với đặc thù ngành nghề nên trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty có thể chịu ảnh hưởng từ các nhân tố sau:

1. Rủi ro về kinh tế

- Tốc độ phát triển của nền kinh tế có ảnh hưởng lớn đến nhu cầu xây dựng và phát triển các công trình dân dụng, khu đô thị mới. Khi nền kinh tế chậm phát triển hoặc rơi vào tình trạng suy thoái, nhu cầu về nhà ở giảm làm ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Đặc trưng của ngành là một phần vốn đầu tư của các dự án sử dụng nguồn vốn vay. Do đó, khi lãi suất thị trường tăng cao sẽ làm chi phí lãi vay của Công ty tăng tương ứng, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Lạm phát gia tăng đã làm giá cả nguyên vật liệu như sắt thép, sỏi đá, xi măng, gạch biến động bất thường ít nhiều gây ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và thi công các công trình nói chung và Công ty nói riêng. Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty luôn chủ động trong việc xác định sớm thời điểm phát sinh nhu cầu nguyên vật liệu để xây dựng dự toán khối lượng công trình chính xác và kiểm soát được giá cả. Bên cạnh đó, Công ty ký các hợp đồng xây lắp đều dựa trên khối lượng thực tế nghiệm thu và giá cả điều chỉnh theo giá cả thị trường do đó hạn chế rất nhiều rủi ro do biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào.

2. Rủi ro về luật pháp

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đang được điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật chứng khoán, Luật kinh doanh bất động sản và các luật khác. Bên cạnh đó còn chịu tác động của các chính sách và phát triển của ngành.

- Hầu hết các luật pháp cơ bản liên quan đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp đã được Quốc hội thông qua, kỳ vọng sẽ tạo môi trường đầu tư, kinh doanh, cạnh tranh thông thoáng, minh bạch, bình đẳng và lành mạnh cho các doanh nghiệp. Trong giai đoạn tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, các thay đổi của luật và văn bản dưới luật có thể tạo ra rủi ro về luật pháp. Ngoài ra, sự thiếu nghiêm minh trong thực thi luật pháp của Nhà nước và nền văn hoá kinh doanh còn non trẻ đã tạo ra sự cạnh tranh chưa lành mạnh.

- Tuy nhiên, với kinh nghiệm của ban điều hành và các chuyên viên, Công ty luôn có những phương án phòng ngừa và quản trị rủi ro pháp lý hữu hiệu nhằm thích ứng với những rủi ro pháp lý có thể xảy ra.

3. Rủi ro đặc thù ngành

- Sản phẩm của ngành Xây dựng là các công trình kiến trúc có tính chất cố định, có thời gian sử dụng lâu dài, nơi sản xuất gắn liền với nơi tiêu thụ sản phẩm. Địa điểm sản xuất của ngành Xây dựng không cố định, thời gian xây dựng kéo dài.

- Nguyên vật liệu chính của hoạt động sản xuất xây dựng bao gồm: gạch, cát, đá, sỏi, xi măng, sắt thép...chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm (40% - 60%) nên biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động đến lợi nhuận của Công ty.

- Từ những đặc thù trên, ngành xây dựng còn gặp những hạn chế, rủi ro như: Nơi sản xuất thường là ngoài trời nên rất phụ thuộc vào điều kiện địa chất, thủy văn, khí hậu; Thời gian xây dựng kéo dài gây khó khăn cho việc đánh giá chất lượng và giá trị sản phẩm dở dang; Những loại vật liệu để xây dựng rất dễ hao hụt, mất mát nhưng lại rất khó kiểm kê do không thể cân, đo, đong, đếm được một cách chính xác. Từ đó, ảnh hưởng đến việc tính toán chi phí giá thành của sản phẩm xây dựng.

4. Rủi ro về mặt công nghệ

- Công ty hiện đã đầu tư rất mạnh vào hệ thống thiết bị thi công khoan – ép cọc ứng suất trước để phục vụ xử lý nền móng cho các tòa nhà cao tầng. Hiện tại công nghệ khoan – ép cọc ứng suất trước của Công ty đang rất thịnh hành và phù hợp với xu thế của thị trường với ưu điểm giá thành hạ chỉ bằng 50% so với công nghệ khoan cọc nhồi, chất lượng đảm bảo và được kiểm soát tốt trong suốt quá trình thi công. Tuy nhiên Công ty cũng có thể gặp phải các rủi ro về mặt công nghệ trong tương lai nếu Nhà nước có những quy định hạn chế sử dụng công nghệ ép cọc ứng suất trước.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1 Tình hình thực hiện các chỉ tiêu so với kế hoạch:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2013	TH năm 2013	Tỷ lệ hoàn thành
1	Giá trị sản lượng	Tr.đồng	100.000	66.700	66%
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	80.000	71.500	89 %
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu	3.000	-3.127	- %
4	Vốn đầu tư phát triển	Triệu	0	0	%
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10	0	%

1.2 Tình hình thực hiện các chỉ tiêu so với năm trước:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2012	Thực hiện năm 2013	Tăng (giảm)
1	Giá trị sản lượng	Tr.đồng	98.000	66.700	-32%
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	59.000	71.500	21 %
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu	713	-3.127	- %
4	Vốn đầu tư phát triển	Triệu	200	0	%
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	0	0	%

1.3 Nguyên nhân dẫn đến không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch:

- ✓ Giá trị sản lượng đạt ở mức thấp 66% so với kế hoạch và giảm 32% so với năm trước là do Công trình tầng 1-6 DIC phoenix giai đoạn I có giá trị lớn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu sản lượng và doanh thu của năm kế hoạch phải chờ điều chỉnh công năng và thiết kế nên chưa triển khai thi công được. Bên cạnh đó các công trình dự kiến triển khai nhưng cũng không triển khai được bởi nhiều nguyên nhân khách quan như; Thi công cảnh quan sân vườn khách sạn Pullman,

Thi công hạ tầng dự án Đại Phước...vv. Trong khi giá trị sản lượng của các công trình thi công ép cọc chủ yếu là xây dựng nhà xưởng nên giá trị không cao.

✓ Doanh thu thực hiện trong năm 2013 đạt 89% so với kế hoạch, tăng 21% so với năm trước chủ yếu là từ giá trị thanh toán khối lượng của phần chi phí dở dang của các công trình năm trước chuyển sang như; Khối nhà A bệnh viện đa khoa Bà Rịa; Thi công DIC phoenix giai đoạn I.

✓ Chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện bị âm so với kế hoạch xuất phát từ các nguyên nhân sau;

+ Công ty đang duy trì mức khấu hao nhanh đối với tài sản-thiết bị (hơn 10 tỷ đồng/năm).

+ Công ty vẫn duy trì ổn định đội ngũ CBCNV dẫn tới tỷ trọng chi phí tiền lương so với doanh thu thực hiện tương đối cao.

+ Chi phí tài chính tăng cao bởi số dư nợ vay ngân hàng phải duy trì ở mức cao xuất phát từ khâu thanh quyết toán công trình chậm do chủ đầu tư không thu xếp được nguồn vốn, hoặc do thủ tục hồ sơ pháp lý...vv.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Danh sách ban điều hành:

1. Giám đốc : Ông TRẦN THANH HẢI

- Ngày tháng năm sinh : 11/01/1963 Quê quán : Thái Bình
- Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 69B Tổ 5, Phước An, P11, TP. Vũng Tàu
- Số CMND : 273301928 cấp ngày 14/07/2005 . Nơi cấp CA.BRVT
- Điện thoại liên lạc : 0903658413
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng

2. Phó Giám Đốc : Ông DƯƠNG THANH XUÂN

- Sinh ngày : 05/02/1955 Quê quán : Vĩnh Phúc

- Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 12/9 Lê Phụng Hiểu, P8, TP. Vũng Tàu
- Số CMND : 273402387. Cấp ngày 23/05/2007. Nơi cấp CA. BRVT
- Điện thoại liên lạc : 0913949321
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn :

3. Phó Giám Đốc : Ông TÔNG VĂN ĐỨC

- Sinh ngày : 02/10/1959 Quê quán : Thừa Thiên Huế
- Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 360/9/1 Bình Giã, P Nguyễn An Ninh, TP Vũng Tàu
- Số CMND : 273529870 cấp ngày 29/06/2010. Nơi cấp CA. BR-VT
- Điện thoại liên lạc : 0986344433
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Trung cấp Xây dựng

4. Phó giám đốc : Ông TRẦN THANH HẢI

- Ngày tháng năm sinh : 17/09/1961 Quê quán : Thái Bình
- Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 55 Trần Đồng, P 3, TP. Vũng Tàu
- Số CMND : 273447868 cấp ngày 01/10/2008. Nơi cấp CA.BRVT
- Điện thoại liên lạc : 0903727221
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

5. Kế toán trưởng: Ông TRẦN VĂN CHUNG

- Ngày tháng năm sinh : 24/01/1972 Quê quán : Quảng Trị

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN - XÂY DỰNG (DIC) SỐ 2**

Địa chỉ : Số 5 Đường số 6 Khu Đô Thị Chí Linh, Phường Thắng Nhất, TP Vũng Tàu.

Điện thoại : (84-64) 3.613.944

Fax : (84-64)3.582.017 – 3.616365

Website : www.dic-2.com

Email : thanhhaic2@gmail.com

- Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 392/8B Nguyễn Hữu Cảnh, P 10, TP. Vũng Tàu
- Số CMND : 273012590 Ngày cấp : 28/12/2004 Nơi cấp: CA.BR-VT
- Điện thoại liên lạc : 0913128096
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

2.2 Số cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Ban điều hành:

Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Trần Thanh Hải	Giám đốc	120.120	4,77
Dương Thanh Xuân	Phó giám đốc		
Tổng Văn Đức	Phó giám đốc	10.200	0,40
Trần Thanh Hải	Phó giám đốc	21.120	0,83
Trần Văn Chung	KT Trưởng	13.320	0,52

2.3 Những thay đổi trong Ban điều hành: (Không có)**2.4 Số lượng cán bộ, nhân viên và cơ cấu lao động:**

STT	Phân loại lao động	Số người (người)	Tỷ trọng (%)
I	Phân loại theo hợp đồng lao động	150	100
1	Hợp đồng lao động dài hạn	80	53
2	Hợp đồng lao động ngắn hạn	70	47
II	Phân theo loại giới tính	150	100
1	Lao động nam	140	94

2	Lao động nữ	10	6
III	Phân loại theo trình độ	150	100
1	Đại học và trên đại học	22	15
2	Cao đẳng. trung cấp	13	9
3	Công nhân kỹ thuật	50	33
4	Lao động phổ thông	65	43
IV	Phân theo công việc	150	100
1	Lao động gián tiếp	20	13
2	Lao động trực tiếp	130	87

2.5 Chính sách đối với người lao động:

Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5 ngày/tuần đối với lao động gián tiếp. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu cán bộ nhân viên làm thêm giờ và thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động theo quy chế hiện hành của Công ty.

Công ty bố trí văn phòng làm việc cho cán bộ nhân viên khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Công ty.

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao.

Cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo, có năng lực tổ chức, quản lý, lãnh đạo nhóm. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, tư duy logic, phán đoán nhanh nhạy, linh hoạt, tính quyết đoán cao, khả năng phân tích tốt cũng như các yêu cầu về trình độ ngoại ngữ, tin học.

Công ty xây dựng chính sách lương trên cơ sở thang, bảng lương của Nhà nước và

các đơn vị cùng ngành, kết hợp hệ suất năng suất lao động, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm của từng cá nhân và dựa trên tình hình kinh doanh của Công ty.

Nhằm khuyến khích động viên người lao động nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, ngoài các quyền lợi được quy định bởi Luật Lao động, cán bộ nhân viên trong Công ty có thành tích xuất sắc, đặc biệt xuất sắc trong lao động sản xuất và công tác đều được công ty xét khen thưởng xứng đáng.

Bên cạnh việc sản xuất kinh doanh, ban lãnh đạo Công ty rất quan tâm đến các hoạt động đoàn thể, chú trọng đến quyền lợi cũng như đời sống tinh thần của toàn thể nhân viên. Hàng năm Công ty tổ chức cho cán bộ nhân viên đi tham quan nghỉ mát, thực hiện các chế độ thăm hỏi đối với nhân viên ốm đau, thai sản, khen thưởng cho con của cán bộ nhân viên đạt được thành tích cao trong học tập.

3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án:

Trong bối cảnh thị trường bất động sản đóng băng cùng những khó khăn chung của nền kinh tế trong và ngoài nước, nhận định khó khăn sẽ còn kéo dài nên ngay từ đầu năm 2013 Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất không trình đại hội đồng cổ đông kế hoạch đầu tư phát triển nhằm tập trung các nguồn lực để duy trì ổn định sản xuất, ổn định tổ chức.

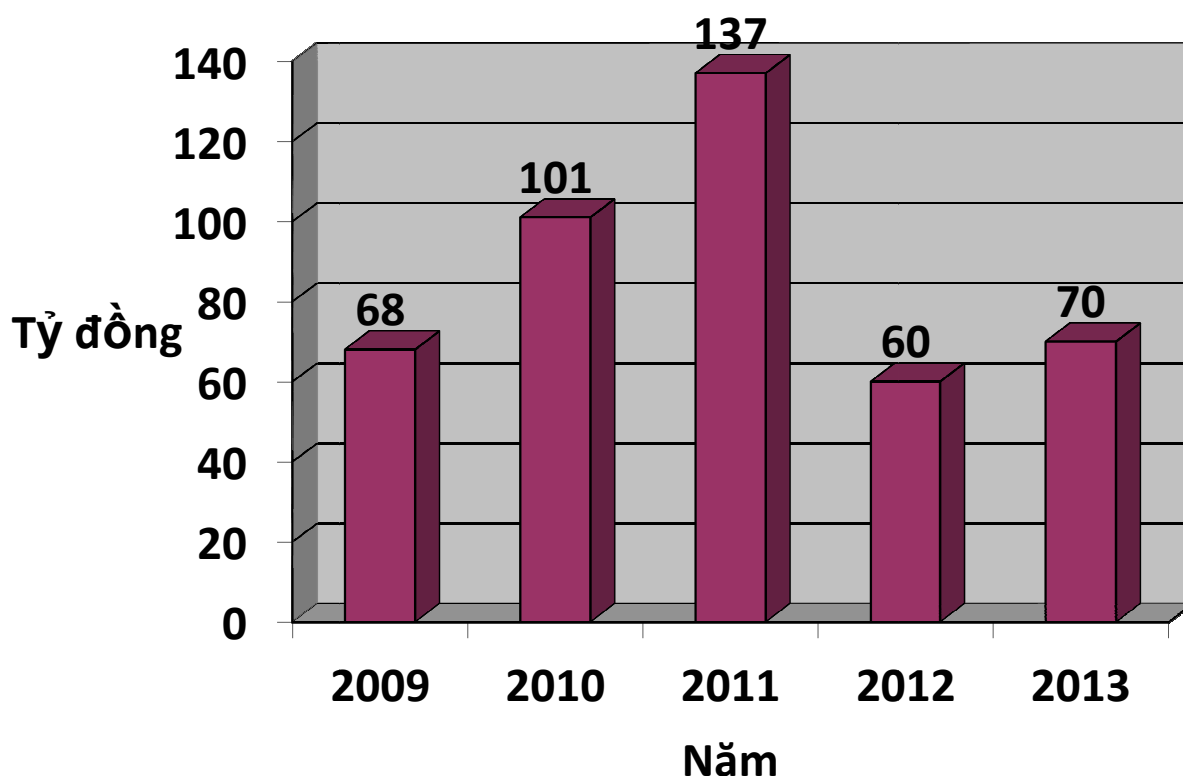
4. Tình hình tài chính:

4.1 Các chỉ tiêu về hoạt động:

Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013	Tỷ lệ % tăng (giảm)
Tổng giá trị tài sản	Tr.đồng	112.843	112.408	-0,4%
Doanh thu thuần	Tr.đồng	58.261	69.857	20%
Lợi nhuận từ HĐKD	Tr.đồng	3.847	1.663	-57%
Lợi nhuận khác	Tr.đồng	797	-756	-%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	782	-3.127	-%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	713	-3.127	-%

Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	0	0	-
----------------------------	---	---	---	---

BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG DOANH THU

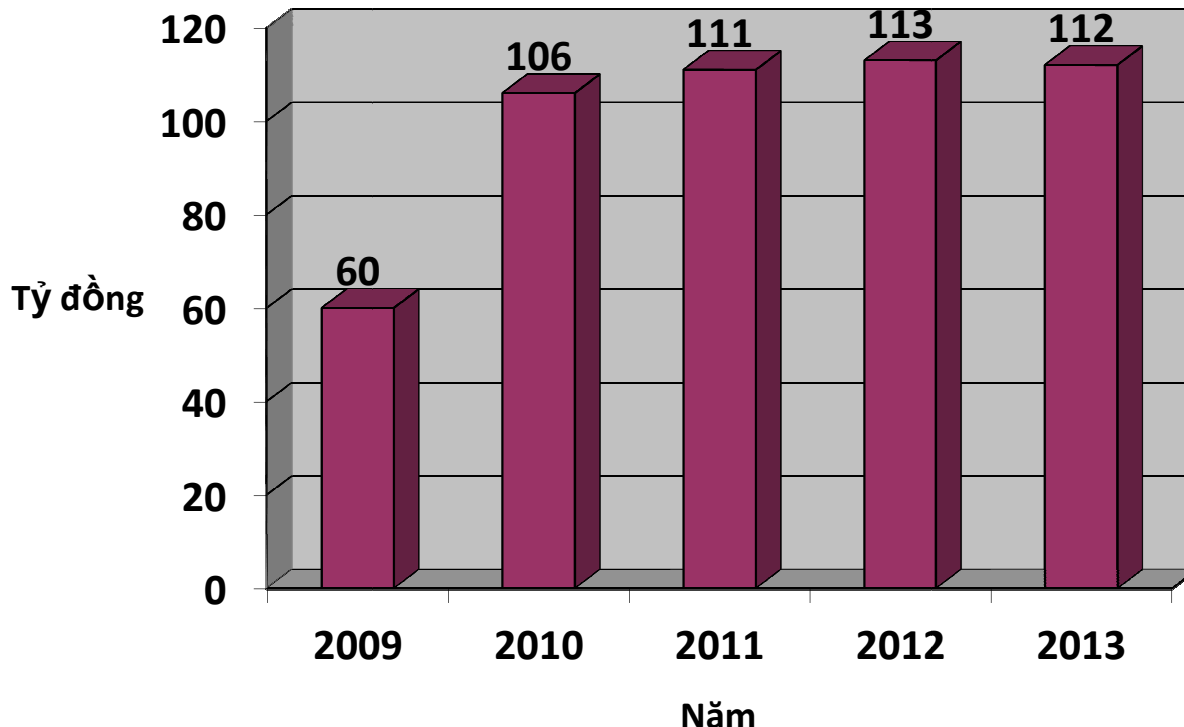


4.2 Các chỉ tiêu chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013
1. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
1.1 Cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	23,60	13,74
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	76,40	86,26
1.2 Cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	67,26	70,01
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	32,74	29,99
2. Khả năng thanh toán			

2.1 Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả	lần	1,49	1,43
2.2 Tổng tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	lần	1,14	1,23
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Lợi nhuận/doanh thu			
- Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần + Doanh thu tài chính	%	1,32	-4,38
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Doanh thu tài chính	%	1,20	-4,38
3.2 Lợi nhuận/Tổng tài sản			
- Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	0,69	-2,78
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,63	-2,78
3.3 Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	1,93	-9,28

BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG TÀI SẢN



5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1 Cơ cấu cổ đông của công ty:(Chốt danh sách ngày 26/03/2014)

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1.	Trong Công ty				
1.1	Pháp nhân	0	0	0	0
1.2	Thế nhân	35	435.354	4.353.540.000	17%
2	Ngoài Công ty				
2.1	Pháp nhân	10	1.093.098	10.930.980.000	43%
2.2	Thế nhân	203	991.548	9.915.480.000	40%
Tổng cộng		248	2.520.000	25.200.000.000	100%

5.2 Danh sách cổ đông lớn:

TT	Tên cổ đông	Ngày tháng năm sinh đối với cổ đông lớn là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ chủ sở hữu chính đối với tổ chức	Số ngày, nơi cấp CMND hoặc hộ chiếu đối với cá nhân; giấy chứng nhận ĐKDN	Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)
								Số lượng	Giá trị (1.000đ)	
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12
1	Tổng công ty cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng			Việt Nam		265 Lê Hồng Phong, phường 8, TP Vũng Tàu, tỉnh BR-VT	3500101107 cấp ngày 05/01/2010	1.050.000	10.500.000	41,67
1.1	Dư Văn Tuyến	02/09/1957	Nam	Việt Nam	Kinh	07 Kha Vạn cần, P7, TP Vũng Tàu	273478860 Cấp ngày 10/11/2009	630.000	6.300.000	25,00
1.2	Trần Thanh Hải	11/01/1963	Nam	Việt Nam	Kinh	1095 đường 30/4, P11, TP Vũng Tàu	273301928 Cấp ngày 14/07/2005	420.000	4.200.000	16,67
2	Nguyễn Quang Tín	10/11/1976	Nam	Việt Nam	Kinh	680 Trương Công Định, phường Nguyễn An Ninh, TP Vũng Tàu	273321610 Cấp ngày 12/12/2005	211.800	2.118.000	8,40
	Cộng:							1.261.800	12.618.000	50,07

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu so với kế hoạch:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	Tỷ lệ hoàn thành
1	Giá trị sản lượng	Tr.đồng	100.000	66.700	66 %
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	80.000	71.500	89 %
3	Nộp ngân sách	Tr.đồng	9.110	7.050	77 %
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	3.000	-3.127	- %
5	Thu nhập BQ/người/tháng	Tr.đồng	5,40	5,00	93 %

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu so với năm trước:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2012	Thực hiện 2013	Tăng (giảm) so với 2012
1	Giá trị sản lượng	Tr. đồng	98.000	66.700	-32 %
2	Tổng doanh thu	Tr. đồng	59.000	71.500	21 %
3	Nộp ngân sách	Tr. đồng	5.940	7.050	18 %
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	713	-3.127	- %
5	Thu nhập BQ /người/tháng	Tr. đồng	5,40	5,00	-7 %

Nguyên nhân dẫn đến không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch:

- ✓ Giá trị sản lượng thực hiện đạt ở mức thấp 66% so với kế hoạch và giảm 32% so với năm trước là do Công trình tầng 1-6 DIC phoenix giai đoạn I có giá trị lớn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu sản lượng và doanh thu của năm kế hoạch phải chờ điều chỉnh công năng và thiết kế nên chưa triển khai thi công được. Bên cạnh đó các công trình dự kiến triển khai nhưng cũng không triển khai được bởi nhiều nguyên nhân khách quan như; Thi công cảnh quan sân vườn khách sạn Pullman, Thi công hạ tầng dự án Đại

Phước...vv. Trong khi giá trị sản lượng của các công trình thi công ép cọc chủ yếu là xây dựng nhà xưởng nên giá trị không cao.

- ✓ Doanh thu thực hiện trong năm 2013 đạt 89% so với kế hoạch, tăng 21% so với năm trước chủ yếu là từ giá trị thanh, quyết toán khối lượng của phần chi phí dở dang của các công trình năm trước chuyển sang như; Khối nhà A bệnh viện đa khoa Bà Rịa; Thi công DIC phoenix giai đoạn I. Doanh thu các công trình ép cọc ghi nhận cả năm 2013 được trên 08 tỷ đồng bao gồm 08 công trình do phải cạnh tranh rất khốc liệt về giá nên giá trị và hiệu quả không cao.
- ✓ Chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện bị âm trên 03 tỷ so với kế hoạch xuất phát từ các nguyên nhân sau;

+ Công ty đang duy trì mức khấu hao nhanh đối với tài sản-thiết bị, tính đến hết 31/12/2013 giá trị còn lại của tài sản cố định chỉ còn 4,6 tỷ đồng, dụng cụ là 0,7 tỷ đồng so với tổng giá trị đầu tư ban đầu là hơn 50 tỷ đồng.

+ Công ty vẫn duy trì ổn định đội ngũ CBCNV nhằm ổn định đội ngũ công nhân kỹ thuật và kỹ sư có kinh nghiệm để chờ cơ hội phục hồi của thị trường dẫn tới tỷ trọng chi phí tiền lương so với doanh thu thực hiện tương đối cao.

+ Chi phí tài chính tăng cao bởi số dư nợ vay ngân hàng phải duy trì ở mức cao xuất phát từ khâu thanh quyết toán công trình chậm do chủ đầu tư không thu xếp được nguồn vốn, hoặc do thủ tục hồ sơ pháp lý....

Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013
Tổng tài sản	Tr đồng	112.843	112.408
1 Tài sản ngắn hạn	Tr đồng	86.215	96.961
2 Tài sản dài hạn	Tr đồng	26.628	15.447
3 Cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	23,60	13,74
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	76,40	86,26
Nguồn vốn	Tr đồng	112.843	112.408
1 Nợ phải trả	Tr đồng	75.899	78.700
2 Vốn chủ sở hữu	Tr đồng	36.944	33.708
3 Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	67,26	70,01



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN - XÂY DỰNG (DIC) SỐ 2

Địa chỉ : Số 5 Đường số 6 Khu Đô Thị Chí Linh, Phường Thắng Nhất, TP Vũng Tàu.

Điện thoại : (84-64) 3.613.944

Fax : (84-64)3.582.017 – 3.616365

Website : www.dic-2.com

Email : thanhhaidic2@gmail.com

- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	32,74	29,99
---------------------------------------	---	-------	-------

- Cơ cấu tài sản năm 2013 có sự thay đổi so với năm 2012 bởi:

- Tài sản ngắn hạn tăng so với năm 2012 hơn 10 tỷ đồng chủ yếu do hàng tồn kho tăng; nguyên nhân do các chủ đầu tư gặp khó khăn về tài chính dẫn tới chậm trễ trong khâu nhận bàn giao và thanh quyết toán công trình.
- Tài sản dài hạn giảm so với năm 2012 gần 10 tỷ đồng chủ yếu là giá trị khấu hao tài sản do công ty đang áp dụng chế độ khấu hao nhanh đối với tài sản cố định hữu hình.
- Nợ phải trả tăng so với năm 2012 gần 03 tỷ đồng chủ yếu là từ nguồn vay ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ cho sản xuất do việc thu hồi công nợ và thanh quyết toán gặp nhiều khó khăn.
- Vốn chủ sở hữu giảm so với năm 2012 gần 03 tỷ đồng chủ yếu do lợi nhuận thực hiện năm 2013 bị âm.

2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Tiếp tục củng cố và hoàn thiện bộ máy quản lý theo hướng gọn nhẹ, vận dụng linh hoạt các đòn bẩy kinh tế từ mô hình khoán chi phí, từng bước xây dựng và hình thành văn hóa Công ty. Mạnh dạn đầu tư, ứng dụng công nghệ mới trong thi công nhằm giải phóng sức lao động, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật ngày càng cao của các công trình.
- Ưu tiên chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV người lao động, cố gắng duy trì mức thu nhập và trả lương đều đặn cùng với việc thực hiện tốt các chế độ đối với người lao động theo quy định của pháp luật trên cơ sở hài hòa lợi ích của các cổ đông với người lao động. Tạo điều kiện để cán bộ và công nhân viên tham gia học tập các lớp nâng cao trình độ quản lý, kỹ năng chuyên môn nhằm nâng cao năng suất lao động, đảm bảo hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Trong năm 2014 cố gắng ổn định tổ chức, ổn định đội ngũ để chờ cơ hội phục hồi của thị trường bất động sản song song với việc tăng cường, thay đổi phương pháp quản trị, tiết kiệm chi phí nhằm đảm bảo hiệu quả trong sản xuất, bảo toàn giá trị vốn góp cho các cổ đông.
- Tập trung huy động mọi nguồn lực, kết hợp đẩy mạnh khâu thanh, quyết toán các

công trình để thu hồi vốn hoàn trả các khoản vay và đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình.

- Tích cực tìm kiếm nguồn công việc ngoài tổ hợp DIC bằng việc mở rộng địa bàn ra các tỉnh lân cận nhằm phát huy hết năng lực thiết bị khoan - ép cọc đã được đầu tư. Tập trung vào các công trình có nguồn vốn từ ngân sách hoặc đã thu xếp được vốn nhằm giảm thiểu tình trạng bị chiếm dụng vốn hoặc phát sinh nợ khó đòi gây ảnh hưởng đến hiệu quả trong sản xuất.
- Duy trì và mở rộng quan hệ với các tổ chức tài chính – ngân hàng để đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, giữ vững niềm tin trước các đối tác và chủ đầu tư song song với việc quảng bá thương hiệu, năng lực thiết bị của Công ty trên thị trường.

4. Định hướng các chỉ tiêu kế hoạch sản SXKD năm 2014:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH năm 2013	KH năm 2014	Tốc độ tăng trưởng
1	Giá trị sản lượng	Tr.đồng	66.700	75.000	12 %
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	71.500	60.000	-16 %
3	Nộp ngân sách	Tr.đồng	7.050	6.000	-15 %
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	-3.127	00	%
5	Thu nhập BQ/người/tháng	Tr.đồng	5,00	5,00	%

5. Phương hướng nhiệm vụ để thực hiện kế hoạch SXKD năm 2014:

- ✓ Kết hợp phát huy mọi nguồn lực, khai thác tối đa những thuận lợi và ưu thế về năng lực thiết bị xây lắp nhà cao tầng và xử lý nền móng công trình đã được đầu tư.
- ✓ Tích cực tìm kiếm công việc, mở rộng địa bàn ra các tỉnh lân cận song song với việc duy trì, giữ vững niềm tin đồng thời quảng bá năng lực thiết bị của Công ty trước các chủ đầu tư và đối tác trên thị trường.
- ✓ Sớm hoàn thành công tác hoàn công, thanh quyết toán và thu hồi công nợ của khối nhà A bệnh viện đa khoa Bà Rịa và một số công trình khác trong năm 2014.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A.CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT CÔNG TY NĂM 2013

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh, trong năm 2013 Hội đồng quản trị công ty đã tiến hành họp 06 phiên chính thức và đã thống nhất thông qua các nội dung chủ yếu sau:

- Thể chấp tải sản cố định hiện có của Công ty để vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết đảm bảo cho đại hội cổ đông thường niên tiến hành đúng quy định.
- Xử lý khoản phải thu khó đòi trên tài khoản 1388.
- Điều chỉnh giảm quỹ lương để ứng phó với tình hình khó khăn kéo dài.
- Thông qua hạn mức vay vốn ngân hàng và các đối tượng khác để bổ sung vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh.
- Cùng một số nội dung khác.

2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD:

2.1 Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất:

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu so với kế hoạch:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	Tỷ lệ hoàn thành
1	Giá trị sản lượng	Tr.đồng	100.000	66.700	66 %
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	80.000	71.500	89 %
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	3.000	-3.127	- %
4	Vốn điều lệ	Tr.đồng	27.720	0	%
5	Vốn đầu tư phát triển	Tr.đồng	0	0	%
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10	0	%

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu so với năm trước:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2012	Thực hiện năm 2013	Tăng (giảm)
1	Giá trị sản lượng	Tr.đồng	98.000	66.700	-32 %
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	60.000	71.500	21 %
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	713	-3.127	- %
4	Vốn điều lệ	Tr.đồng	0	0	%
5	Vốn đầu tư phát triển	Tr.đồng	200	0	%
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	0	0	%

2.2 Tình hình thực hiện kế hoạch trả cổ tức 2012:

Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 quyết định trả cổ tức năm 2012 bằng cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 10%/ mệnh giá để tăng vốn điều lệ từ 25,2 tỷ đồng lên thành 27,72 tỷ đồng. Tuy nhiên do trong năm 2013 công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc thu hồi công nợ, tìm kiếm việc làm do nguồn công việc khan hiếm. Trong khi thị trường chứng khoán diễn biến không thuận lợi, thị giá cổ phiếu DC2 của Công ty giảm quá sâu nên Hội đồng quản trị đã cân nhắc chưa triển khai kế hoạch trả cổ tức bằng cổ phiếu. Trong năm 2014 nếu diễn biến thị trường chứng khoán thuận lợi, việc trả cổ tức bằng cổ phiếu có lợi cho các cổ đông thì Hội đồng quản trị sẽ xem xét thực hiện.

B. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Qua thực tế tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 của Ban giám đốc, chúng tôi nhận thấy kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đều đạt ở mức thấp xuất phát từ các nguyên nhân khách quan của nền kinh tế và đặc thù ngành. Tuy nhiên trong khuôn khổ phạm vi hẹp của các công ty thành viên của tổ hợp DIC nói riêng và các doanh nghiệp có cùng quy mô vốn và ngành nghề nói chung trên cả hai sàn giao dịch chứng khoán, chúng tôi ghi nhận sự cố gắng, nỗ lực vượt qua khó khăn của Ban giám đốc để có được các kết quả sau:

- Ổn định được tổ chức, đảm bảo an sinh cho tập thể cán bộ công nhân viên và người lao động. Cố gắng bảo toàn giá trị vốn góp của các cổ đông.
- Phát huy tốt mọi nguồn lực, thu xếp đủ nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh trong bối cảnh các ngân hàng thắt chặt tín dụng.
- Khai thác tương đối hiệu quả hệ thống thiết bị khoan - ép cọc đã được đầu tư.

C. ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH NĂM 2014

1. Định hướng các chỉ tiêu kế hoạch SXKD 2014:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2013	Kế hoạch năm 2014	
				Giá trị	Tăng trưởng
1	Giá trị sản lượng	Tr đồng	66.700	75.000	12%
2	Tổng doanh thu	Tr đồng	71.500	60.000	-16%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	-3.127	0	%
4	Vốn đầu tư phát triển	Tr đồng	0	0	%

5	Vốn điều lệ	Tr đồng	25.200	27.720	10%
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	0	0	%

2. Phương hướng thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD 2014:

- Tập trung huy động mọi nguồn lực, ưu tiên cho sản xuất kinh doanh nhằm duy trì ổn định sản xuất, đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động.
- Tăng cường các biện pháp quản trị, sử dụng các đòn bẩy kinh tế thông qua mô hình khoán chi phí để tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí đảm bảo hiệu quả trong sản xuất, cố gắng bảo toàn giá trị vốn góp cho các cổ đông.
- Duy trì mối quan hệ với các đối tác, khách hàng truyền thống đồng thời mở rộng quan hệ, mở rộng địa bàn hoạt động, tích cực tìm kiếm nguồn công việc để từng bước lấy lại đà tăng trưởng của Công ty.

D.TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2009-2014

Mặc dù nhiệm kỳ vừa qua rơi đúng vào chu kỳ khủng hoảng kinh tế kéo dài nhưng có thể khẳng định, HĐQT nhiệm kỳ 2009-2014 đã hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao, thực hiện đúng và đầy đủ chức trách nhiệm vụ theo qui định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trên tinh thần trách nhiệm, trung thực, nhiệt huyết và dân chủ. Các kết quả HĐQT đã đạt được thể hiện ở sự tăng trưởng của Công ty trên các mặt như sau:

1. Quy mô sản xuất và chất lượng công trình thi công ngày càng được nâng cao; Thị phần và uy tín của Công ty ngày càng được mở rộng thể hiện qua một số công trình tiêu biểu như: Khối nhà A bệnh viện đa khoa Bà Rịa giá trị thực hiện trên 100 tỷ đồng; Thi công móng tầng hầm DIC Phoenix giai đoạn I giá trị gần 50 tỷ đồng với quy mô diện tích tầng hầm trên 6.000m²; Thi công ép cọc đại trà dự án Posco ss Vina với khối lượng trên 120.000 mét cọc D500mm tải trọng 450 tấn; Thi công hoàn thiện Lô A2 chung cư Lake side 17 tầng; Xử lý nền móng cho nhiều tòa nhà cao tầng trên địa bàn thành phố Vũng Tàu như; Cao ốc Vũng Tàu Plaza 25 tầng, Cao ốc PVC-IC 22 tầng, khách sạn The beach Hotel 20 tầng...vv.
2. HĐQT Công ty đã có những quyết sách đúng đắn, linh hoạt, kịp thời, tận dụng được thời cơ, xu thế để đầu tư chiều sâu vào lĩnh vực xử lý nền móng công trình mang lại hiệu quả cao, tạo thêm nhiều công ăn việc làm, tăng giá trị sản lượng, doanh thu cho công ty. Với quy mô vốn còn nhỏ 25,2 tỷ đồng nhưng hiện Công ty

đang sở hữu hệ thống thiết bị thi công với tổng giá trị trên 50 tỷ đồng (sẽ cơ bản hết khấu hao trong năm 2014) gồm: 05 Robot ép cọc tự hành từ tải trọng từ 400 đến 600 tấn; 01 máy khoan tự hành đường kính lỗ khoan từ 300 đến 800mm; 02 cầu tháp, 02 máy vận thăng phục vụ thi công nhà cao tầng; trên 4.000m² Cốppha thép định hình và dàn giáo mạ kẽm - Cây chống thế hệ mới Vietform cùng nhiều máy móc thiết bị khác...vv.

3. Căn cứ vào định hướng chung của tổ hợp DIC, nắm bắt được xu thế của thị trường. HĐQT đã đưa ra được định hướng phát triển đúng đắn, phù hợp với tình hình chung và thực tế của Công ty. Do vậy, qui mô sản xuất, hiệu quả kinh tế và tình hình trả cổ tức tương đối cao qua từng năm trong nhiệm kỳ, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1	Vốn điều lệ	Tr. đồng	11.000	21.000	21.000	25.200	25.200
2	Tổng doanh thu	Tr. đồng	67.000	100.000	137.000	58.000	70.000
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	5.843	6.050	3.890	713	(3.127)
4	Cổ tức	%	25	20	15	10	-

4. Chấp hành và thực hiện nghiêm nghị quyết về thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS và từng thành viên HĐQT, BKS (*đính kèm bảng tổng hợp thù lao HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2009 – 2014*) cùng với những dấu ấn lịch sử đáng nhớ trong quá trình phát triển như sau:

- Ngày **02/07/2010**; 1.100.000 cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch phiên đầu tiên tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán: **DC2**
- Ngày **24/02/2011**; Niêm yết bổ sung 1.000.000 cổ phiếu, nâng số lượng cổ phiếu đang lưu hành lên thành **2.100.000** cổ phiếu.
- Tháng **05/2011** Công ty được Tổng công ty ghi nhận bằng việc ban hành quyết định nâng hạng thành **công ty hạng I**.
- Ngày **15/07/2011**; Niêm yết bổ sung 420.000 cổ phiếu, nâng số lượng cổ phiếu đang lưu hành lên thành **2.520.000** cổ phiếu.
- Bộ xây dựng ghi nhận và trao tặng:
 - + Bằng khen về việc đảm bảo nâng cao chất lượng, sản phẩm công trình xây dựng Việt Nam **giai đoạn 2006-2010**;
 - + Huy chương vàng chất lượng cao công trình, sản phẩm xây dựng Việt Nam **năm 2010** Lô A2 - chung cư Lake side;

5. Hai năm cuối của nhiệm kỳ (2012 và 2013) thị trường bất động sản gặp rất nhiều khó khăn, kinh tế vĩ mô diễn biến khó lường kéo theo rất nhiều doanh nghiệp trên phạm vi cả nước rơi vào tình trạng ngưng trệ hoặc phá sản (gồm cả một số công ty thành viên trong tổ hợp DIC). Tuy nhiên HĐQT đã lãnh đạo Công ty vượt lên khó khăn, duy trì sự ổn định tổ chức, cố gắng bảo toàn giá trị vốn góp cho các cổ đông, tránh các rủi ro pháp lý, đảm bảo an toàn lao động; vị thế, uy tín, thương hiệu của Công ty trên thị trường được các Chủ đầu tư và đối tác đánh giá cao.
6. Bên cạnh những thành tựu đạt được, HĐQT cũng nhận thấy còn có những tồn tại, khuyết điểm, hạn chế chưa được khắc phục trong nhiệm kỳ vừa qua, đó là:
- Sự gắn kết, phân công phân nhiệm, phối hợp trong giải quyết công việc giữa các thành viên HĐQT và các bộ phận chưa được tốt nên hiệu quả công tác quản lý, điều hành còn hạn chế.
 - Công tác tổ chức bộ máy, cán bộ chưa thực sự gọn nhẹ đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
 - Chưa cương quyết xử lý với các trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ, thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác điều hành và tổ chức sản xuất ...

E. ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH NHIỆM KỲ 2014-2019

1. Mục tiêu tổng quát:

- ➔ Đảm bảo quyền lợi, gia tăng giá trị tài sản của cổ đông và không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV và người lao động.
- ➔ Giữ vững và phát huy lĩnh vực xây lắp nhà cao tầng truyền thống, đầu tư chiều sâu vào lĩnh vực xử lý nền móng công trình, mạnh dạn mở rộng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh mới.
- ➔ Từng bước xây dựng tác phong, văn hóa doanh nghiệp riêng nhằm xây dựng Công ty trở thành ngôi nhà chung của tập thể CBCNV-LĐ, là nơi gửi trọn niềm tin của nhà đầu tư. Phần đầu xây dựng doanh nghiệp trở thành công ty xây lắp hàng đầu trong tổ hợp DIC theo đúng định hướng, lộ trình của Tổng công ty.
- ➔ Từng bước tăng quy mô vốn để mở rộng thị trường, chủ động đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất. Mạnh dạn đầu tư, áp dụng công nghệ và các phương pháp thi công tiên tiến và không ngừng hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp nhằm đưa Công ty trở thành một trong các Công ty có đầy đủ tiềm lực, uy tín để cùng cạnh tranh lành mạnh với các Công ty trong và ngoài nước khác trong ngành về lĩnh vực xây dựng, xử lý nền móng công trình.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN - XÂY DỰNG (DIC) SỐ 2**

Địa chỉ : Số 5 Đường số 6 Khu Đô Thị Chí Linh, Phường Thắng Nhất, TP Vũng Tàu.

Điện thoại : (84-64) 3.613.944

Fax : (84-64)3.582.017 – 3.616365

Website : www.dic-2.com

Email : thanhhaidic2@gmail.com

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2019:

Với phương châm cố gắng duy trì sản xuất, đảm bảo an sinh cho cán bộ công nhân viên và người lao động, bảo toàn vốn góp của các cổ đông, không để công ty rơi vào tình trạng ngưng hoạt động hoặc phá sản trong năm 2014 và sẽ lấy lại đà tăng trưởng từ năm 2015 trở đi, HĐQT xin định hướng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong nhiệm kỳ tới (2014-2019) như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Vốn Điều lệ	Tr. đồng	27.720	27.720	35.000	35.000	45.000	45.000
Tổng doanh thu	Tr. đồng	60.000	75.000	90.000	110.000	135.000	150.000
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	0	4.000	5.000	6.000	7.500	8,250
Tỷ lệ chia cổ tức	%	0	5	10	15	15	15

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

1.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dư Văn Tuyển	CT HĐQT chuyên trách	49.850	1,98
Trần Thanh Hải	TV HĐQT/Giám đốc	120.220	4,77
Nguyễn Văn Chánh	TV HĐQT độc lập	23.280	0,92
Trần Thanh Hải	TV HĐQT/ P giám đốc	21.120	0,83
Trần Văn Chung	TV HĐQT/KT Trưởng	13.320	0,52

1.2 Tóm tắt lý lịch của các thành viên HĐQT:

- TV HĐQT/giám đốc : Ông TRẦN THANH HẢI** (Xem trong ban điều hành)
- TV HĐQT/P giám đốc : Ông TRẦN THANH HẢI** (Xem trong ban điều hành)
- TV HĐQT/KT Trưởng : Ông TRẦN VĂN CHUNG** (Xem trong ban điều hành)
- Chủ tịch HĐQT : Ông DƯ VĂN TUYỂN**

- Ngày tháng năm sinh : 02/09/1957 Quê quán : Hà Nội
- Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 273478860 cấp ngày 10/11/2009. Nơi cấp : CA.BRVT
- Địa chỉ thường trú : 7 Kha Văn Cân, P7, TP. Vũng Tàu
- Điện thoại liên lạc : 094.8676757
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng

5. TV HĐQT độc lập : Ông NGUYỄN VĂN CHÁNH

- Ngày tháng năm sinh : 27/12/1954 Quê quán : Hà Nam
- Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : B103 Lake side, phường Nguyễn An Ninh, TP. Vũng Tàu
- Số CMND : 273365141 cấp ngày 10/07/2006. Nơi cấp : CA BRVT
- Điện thoại liên lạc : 0913948316
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng và Trang trí Nội thất

1.3 Các tiểu ban của HĐQT: (Không có)**1.4 Hoạt động của HĐQT:****Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:**

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Dư Văn Tuyền	Chủ tịch HĐQT	06	100%	
2	Trần Thanh Hải	TV HĐQT	06	100%	
3	Nguyễn Văn Chánh	TV HĐQT	06	100%	
4	Trần Thanh Hải	TV HĐQT	06	100%	
5	Trần Văn Chung	TV HĐQT	06	100%	

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc:

- Giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh do Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông giao phó.
- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động và các quy định, quy chế quản lý của Công ty trong quá trình điều hành của giám đốc.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị :

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-DIC No2-HĐQT	04/01/2013	Thế chấp tài sản để vay vốn ngân hàng.
2	02/NQ-DIC No2-HĐQT	01/03/2013	Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch SXKD trình đại hội cổ đông.
3	03/NQ-DIC No2-HĐQT	01/03/2013	Xử lý khoản phải thu tài khoản 1388
4	04/NQ-DIC No2-HĐQT	24/04/2013	Điều chỉnh giảm và phê duyệt quỹ lương năm 2013.
5	05/NQ-DIC No2-HĐQT	15/08/2013	Thế chấp tài sản để vay vốn tại MSB
6	06/NQ-DIC No2-HĐQT	08/11/2013	Thông qua hạn mức vay vốn tại BIDV

1.5 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập:

- + Đại diện cho quyền lợi của các nhà đầu tư, tham gia hoạch định và biểu quyết các kế hoạch và định hướng phát triển của công ty.
- + Tham gia các buổi họp bình xét nâng lương, bình xét thi đua khen thưởng của hội đồng lương thưởng công ty.

1.6 Hoạt động của các tiểu ban của HĐQT: (Không có)

1.7 Chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

- + Đa số thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

2. Ban kiểm soát:

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

2.1.1 Số lượng và cơ cấu:

Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Hoàng Thị Hà	Trưởng ban độc lập	1.000	0,06
Nguyễn Đức Hiệp	Thành viên /Thư ký công ty	5.580	0,22
Thái Thị Kiều Oanh	Thành viên		

2.1.2 Tóm tắt lý lịch thành viên BKS:

Trưởng BKS : Bà Hoàng Thị Hà

- Sinh ngày : 02/02/1976 Quê quán : TP Hồ Chí Minh
- Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 224/4A Bạch Đằng, Phường 24, Q Bình Thạnh, TP.HCM
- Số CMND : 024214841 cấp ngày 10/02/2004. Nơi cấp: CA. TP.HCM
- Điện thoại liên lạc : 0983909059
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân khoa học

Thành viên BKS : Ông NGUYỄN ĐỨC HIỆP

- Sinh ngày : 26/08/1971 Quê quán : Bắc Ninh
- Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : B303 Lake side, phường Nguyễn An Ninh, TP. Vũng Tàu
- Số CMND : 273454650 cấp ngày 08/07/2008. Nơi cấp: CA. BRVT
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Thành viên BKS : Bà Thái Thị Kiều Oanh

- Sinh ngày : 14/10/1985 Quê quán : Kiên Giang
- Dân tộc : Kinh Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 182/3/2A Nguyễn Hữu Cảnh, P Thắng Nhất, TP Vũng Tàu
- Số CMND : 371012620 cấp ngày 15/08/2000. Nơi cấp CA. Kiên Giang
- Điện thoại liên lạc : 0989717205
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- + Tham gia các buổi họp giao ban của Ban Lãnh đạo công ty về kế hoạch kinh doanh hàng tháng, quý, năm và báo cáo tình hình thực hiện kết quả kinh doanh.
- + Tham gia các cuộc họp HĐQT mở rộng về chiến lược hoạt động của Công ty.
- + Trong năm 2013 ban kiểm soát đã định kỳ triển khai chức năng nhiệm vụ và xem xét các báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm, báo cáo sản xuất kinh doanh, tình hình chấp hành chủ trương chính sách, các quy định của pháp luật và quy chế của Công ty.
- + Xem xét các báo cáo và thư quản lý của tổ chức kiểm toán.

3. Các giao dịch và lợi ích của cổ đông nội bộ:

3.1 Thù lao, tiền lương thành viên HĐQT, Ban kiểm soát:

DVT: 1.000 đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương, thưởng	Thù lao	Tổng thu nhập
1	Dur Văn Tuyền	Chủ tịch HĐQT	326.000	18.000	344.000
1	Trần Thanh Hải	TV HĐQT/giám đốc	284.000	16.000	300.000
3	Nguyễn Văn Chánh	TV HĐQT độc lập		12.000	12.000
4	Trần Thanh Hải	TV HĐQT/P giám đốc	211.000	12.000	223.000
5	Trần Văn Chung	TV HĐQT/KT trưởng	207.000	12.000	219.000
6	Hoàng Thị Hà	Trưởng BKS độc lập		12.000	12.000
7	Nguyễn Đức Hiệp	TV BKS/Thư ký		10.000	10.000
8	Thái Th Kiều Oanh	TV BKS		8.000	8.000
	Tổng cộng:		1.028.000	100.000	1.128.000

3.2 Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc:

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương, thưởng	Tổng thu nhập
1	Tổng Văn Đức	P giám đốc	211.000	211.000
2	Dương Thanh Xuân	P giám đốc	211.000	211.000
	Tổng cộng:		422.000	422.000

3.3 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trần Thanh Hải	CĐ nội bộ	82.220	3,26%	120.120	4,76%	Mua trực tuyến
2	Dương Thanh Xuân	CĐ nội bộ	15.280	0,60%	0	0,00%	Bán thỏa thuận
3	Dư Văn Tuyền	CĐ nội bộ	47.850	1.90%	49.850	1.97%	Mua trực tuyến

3.4 Hợp đồng hoặc giao dịch của cổ đông nội bộ: (Không có)

3.5 Thực hiện các quy định về quản trị công ty:

+ Các quy định về quản trị công ty được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và các quy chế của công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN - XÂY DỰNG (DIC) SỐ 2

Địa chỉ : Số 5 Đường số 6 Khu Đô Thị Chí Linh, Phường Thắng Nhất, TP Vũng Tàu.

Điện thoại : (84-64) 3.613.944

Fax : (84-64)3.582.017 – 3.616365

Website : www.dic-2.com

Email : thanhhaidic2@gmail.com

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN:

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC) số 2, được lập ngày 05 tháng 02 năm 2014, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC) số 2 tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp của Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Đã ký

Đã ký

Nguyễn Minh Tiến

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0547-2013-152-1

Nguyễn Hồng Nga

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1266-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2014

2. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		96.960.830.805	86.214.942.008
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	754.497.842	587.636.075
1. Tiền	111		754.497.842	587.636.075
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.304.283.262	26.370.616.450
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	43.820.894.665	24.157.276.467
2. Trả trước cho người bán	132		224.260.722	2.142.761.859
3. Các khoản phải thu khác	138	V.3	259.127.875	70.578.124
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	51.746.890.329	59.134.371.435
1. Hàng tồn kho	141		51.746.890.329	59.134.371.435
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		155.159.372	122.318.048
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.539.092	68.413.973
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		111.920.280	45.604.075
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	29.700.000	8.300.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.447.716.388	26.628.196.068
I. Tài sản cố định	220		5.913.020.571	14.834.814.029
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	4.685.237.789	13.607.031.247
- Nguyên giá	222		42.468.593.728	43.112.258.903
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.783.355.939)	(29.505.227.656)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.227.782.782	1.227.782.782
- Nguyên giá	228		1.227.782.782	1.227.782.782
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.094.694.410	8.151.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.8	8.151.500.000	8.151.500.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(56.805.590)	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN - XÂY DỰNG (DIC) SỐ 2

Địa chỉ : Số 5 Đường số 6 Khu Đô Thị Chí linh, Phường Thắng Nhất, TP Vũng Tàu.

Điện thoại : (84-64) 3.613.944

Fax : (84-64)3.582.017 – 3.616365

Website : www.dic-2.com

Email : thanhhaidic2@gmail.com

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.440.001.407	3.641.882.039
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	1.440.001.407	3.641.882.039
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		112.408.547.193	112.843.138.076
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		78.699.758.266	75.899.448.589
I. Nợ ngắn hạn	310		78.699.758.266	75.899.448.589
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	56.364.336.094	39.679.420.828
2. Phải trả người bán	312	V.11	10.586.429.638	15.412.428.579
3. Người mua trả tiền trước	313		197.254.950	12.375.877.412
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	7.842.195.940	5.562.094.245
5. Phải trả người lao động	315		2.727.112.557	2.096.233.016
6. Chi phí phải trả	316		49.500.000	23.589.357
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	872.379.614	675.747.322
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		60.549.473	74.057.830
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
2. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		33.708.788.927	36.943.689.487
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	33.708.788.927	36.943.689.487
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.200.000.000	25.200.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.605.309.091	6.605.309.091
3. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.300.817.054	3.229.528.816
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.194.385.967	1.158.741.848
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(2.591.723.185)	750.109.732
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		112.408.547.193	112.843.138.076

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN - XÂY DỰNG (DIC) SỐ 2**

Địa chỉ : Số 5 Đường số 6 Khu Đô Thị Chí Linh, Phường Thắng Nhất, TP Vũng Tàu.

Điện thoại : (84-64) 3.613.944

Fax : (84-64)3.582.017 – 3.616365

Website : www.dic-2.com

Email : thanhhaidic2@gmail.com

3. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	69.857.607.307	58.261.554.692
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		69.857.607.307	58.261.554.692
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	68.194.411.764	54.414.304.547
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.663.195.543	3.847.250.145
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.628.339.868	1.017.448.595
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.928.807.065	3.169.526.994
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.872.001.475	3.169.526.994
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.734.047.464	1.711.013.947
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.371.319.118)	(15.842.201)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	50.984.620	1.324.091.627
12. Chi phí khác	32	VI.6	807.634.419	526.188.460
13. Lợi nhuận khác	40		(756.649.799)	797.903.167
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.127.968.917)	782.060.966
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	-	69.178.584
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.127.968.917)	712.882.382
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(1.241)	283

4. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	41.635.956.721	60.919.440.334
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(40.866.617.522)	(57.337.727.855)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(8.743.496.570)	(14.961.161.324)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(6.168.736.401)	(4.358.584.661)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.013.318.220)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.826.007.508	1.401.532.914
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3.226.220.851)	(4.884.174.973)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(16.556.425.335)	(19.220.675.565)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	-	(220.699.998)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	35.000.000	55.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	3.371.836	10.606.047
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	38.371.836	(155.093.951)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ	31	-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	53.085.129.589	52.224.134.087
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(36.400.214.323)	(30.511.512.926)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(2.205.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	16.684.915.266	19.507.621.161
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	166.861.767	131.851.645
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	587.636.075	455.784.430
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	754.497.842	587.636.075



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN - XÂY DỰNG (DIC) SỐ 2

Địa chỉ : Số 5 Đường số 6 Khu Đô Thị Chí Linh, Phường Thắng Nhất, TP Vũng Tàu.

Điện thoại : (84-64) 3.613.944

Fax : (84-64)3.582.017 – 3.616365

Website : www.dic-2.com

Email : thanhhaidic2@gmail.com

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC) số 2 được chuyển đổi từ Xí nghiệp Xây dựng số 2 trực thuộc của Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng - Bộ Xây dựng.

Công ty được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần số 3500707730 (số cũ 4903000176) đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 6 năm 2005; Đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 18 tháng 07 năm 2011 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Bà Rịa Vũng Tàu cấp.

Trụ sở chính: Số 5 đường số 6, Khu Đô thị Chí Linh, P. Thắng Nhất, TP Vũng Tàu.

Điện thoại: 064.3582017; Fax: 064.3582013; Email: congty@dic-2.com.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất vật liệu xây dựng (cát, đá, gạch,...); Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn; Đúc, ép cọc bê tông cốt thép bằng máy ép thủy lực; Xử lý nền móng công trình; Khoan cọc nhồi bê tông; Gia công cơ khí (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư trên toàn địa bàn tỉnh); Xây dựng công trình nhà ở, Xây dựng công trình phi nhà ở (Công trình văn hóa, thể thao, thương mại, công sở); Xây dựng công trình công nghiệp; Công trình giao thông (cầu, đường, cống...); Công trình thủy lợi; Xây dựng trạm bơm; Xây dựng kết cấu công trình; Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng (San lấp mặt bằng, khoan phá bê tông, làm đường nội bộ trong mặt bằng xây dựng);

Kinh doanh vật liệu xây dựng; Kinh doanh bất động sản; Cho thuê kho, bãi; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh, nội tỉnh.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Công ty có tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 06 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 05 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Các khoản đầu tư khác vì không có đủ các thông tin cần thiết để lập dự phòng nên công ty không trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư này. Ban Giám đốc Công ty tin rằng các khoản dự phòng đối với các khoản đầu tư này, nếu có, không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tổng chi phí lãi vay phát sinh trong năm tài chính:	6.388.164.401 đồng
Lãi vay được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm:	3.872.001.475 đồng
Lãi vay được vốn hoá trong năm:	2.516.162.926 đồng

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước:

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo: Giá trị khối lượng thực hiện hoàn thành, khối lượng xây lắp được chủ đầu tư xác nhận, nghiệm thu làm căn cứ ghi nhận doanh thu trong kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

12. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

13. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	103.348.232	274.528.283
Tiền gửi ngân hàng	651.149.610	313.107.792
Ngân hàng TMCP ĐT&PT - CN Vũng Tàu	587.574.404	297.817.246
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Vũng Tàu	7.261.524	1.533.285
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Vũng Tàu	2.203.237	2.247.451
Ngân hàng NN&PT NT - CN Nhơn Trạch	7.158.459	7.043.959
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Vũng Tàu	3.773.105	3.778.539
Ngân hàng TMCP ĐT&PT- CN Bà Rịa	43.178.881	687.312
Cộng	754.497.842	587.636.075

2. Phải thu khách hàng

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty CP Lạc Việt	371.034.950	921.034.950
Công ty TNHH Cơ khí & XD Posco E&C VN	357.855.164	295.059.450
Công ty TNHH Lide Gas VN	-	217.008.000
Công ty CP Đầu tư Phan Vũ	498.564.969	-
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	42.344.848.916	22.474.009.612
Các khách khác	248.590.666	250.164.455
Cộng	43.820.894.665	24.157.276.467

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu DIC Corp lãi trả chậm	246.531.475	60.364.274
Phải thu khác	12.596.400	10.213.850
Cộng	259.127.875	70.578.124

4. Hàng tồn kho

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	283.346.011	1.559.331.480
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	51.463.544.318	57.575.039.955
<i>Trong đó:</i>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN - XÂY DỰNG (DIC) SỐ 2**

Địa chỉ : Số 5 Đường số 6 Khu Đô Thị Chí Linh, Phường Thắng Nhất, TP Vũng Tàu.

Điện thoại : (84-64) 3.613.944

Fax : (84-64)3.582.017 – 3.616365

Website : www.dic-2.com

Email : thanhhaidic2@gmail.com

Bệnh viện đa khoa Bà Rịa khối A	38.126.833.449	26.174.019.489
Khu Biệt thự Đồi An Sơn Đà Lạt	1.885.542.770	1.883.034.020
Khối VP, KS DIC Phoenix 1	-	8.550.816.306
Kết cấu khung sườn tầng 1-6 DIC Phoenix 1	9.545.122.760	18.873.791.114
Ép cọc Posco SS Vina	104.545.455	613.962.875
Ép cọc & thử tĩnh KS The Beach	683.183.904	-
Trạm cấp nước Nhơn Trạch - Đại Phước	-	568.767.502
Công trình khác	1.118.315.980	910.648.649
Cộng giá gốc hàng tồn kho	51.746.890.329	59.134.371.435

5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	29.700.000	8.300.000
Cộng	29.700.000	8.300.000

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.248.334.140	40.311.121.049	1.070.847.712	481.956.002	43.112.258.903
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	(233.721.607)	-	(249.943.568)	(483.665.175)
Thanh lý, nhượng bán	-	(160.000.000)	-	-	(160.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.248.334.140	39.917.399.442	1.070.847.712	232.012.434	42.468.593.728
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	435.481.232	27.841.256.724	840.215.541	388.274.159	29.505.227.656
Khấu hao trong năm	44.728.000	8.638.239.151	102.500.000	35.913.095	8.821.380.246
Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	(179.010.143)	-	(204.241.820)	(383.251.963)
Thanh lý, nhượng bán	-	(160.000.000)	-	-	(160.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	480.209.232	36.140.485.732	942.715.541	219.945.434	37.783.355.939
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	812.852.908	12.469.864.325	230.632.171	93.681.843	13.607.031.247
Tại ngày cuối năm	768.124.908	3.776.913.710	128.132.171	12.067.000	4.685.237.789

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.851.417.731 đồng

Giá trị còn lại đầu năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 12.926.922.607 đồng

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 4.423.609.789 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN - XÂY DỰNG (DIC) SỐ 2**

Địa chỉ : Số 5 Đường số 6 Khu Đô Thị Chí Linh, Phường Thắng Nhất, TP Vũng Tàu.

Điện thoại : (84-64) 3.613.944

Fax : (84-64)3.582.017 – 3.616365

Website : www.dic-2.com

Email : thanhhaidic2@gmail.com

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	1.227.782.782
Số tăng trong năm	
Số giảm trong năm	
Số dư cuối năm	1.227.782.782
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	
Khấu hao trong năm	
Giảm trong năm	
Số dư cuối năm	
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	1.227.782.782
Tại ngày cuối năm	1.227.782.782

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài văn phòng Công ty tại khu Đô thị Chí Linh, phường Thắng Nhất, TP.Vũng Tàu (diện tích 448,20 m²) theo Giấy chứng nhận số: T06 752 cấp ngày 18/01/2008. Quyền sử dụng đất này đang được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Hàng hải – CN Bà Rịa – Vũng Tàu.

8. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	151.500.000	151.500.000
Công ty CP Vật liệu Xây dựng DIC (15.000 CP)	151.500.000	151.500.000
Đầu tư dài hạn khác ⁽ⁱ⁾	8.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	8.151.500.000	8.151.500.000

(i) Đây là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 44 ngày 06/08/2010, hợp tác đầu tư xây dựng dự án khu đất 5ha tại thành phố Vũng Tàu (Khu nhà ở số 1 phía đông đường 3/2, phường 10 và 11, Tp Vũng Tàu).

9. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sửa chữa máy ép cọc	736.918.225	646.014.053
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	703.083.182	2.768.053.742
Chi phí xây dựng lán trại tạm khu ĐT Chí Linh	-	227.814.244
Cộng	1.440.001.407	3.641.882.039

10. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Hàng Hải – CN Vũng Tàu ^(a)	15.629.263.550	10.750.719.676
Ngân hàng TMCP ĐT&PT - CN Vũng Tàu ^(b)	13.154.303.961	6.312.773.544
Ngân hàng TMCP ĐT&PT - CN Bà Rịa ^(c)	24.505.768.583	19.868.527.608
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng ^(d)	825.000.000	-
Vay các cá nhân ^(e)		
Lâm Thị Thơ	300.000.000	300.000.000
Lê Thị Hương	500.000.000	500.000.000
Trần Duy Lợi	600.000.000	600.000.000
Trần Thị Hồng Trâm	450.000.000	-
Nguyễn Văn Chánh	400.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	1.347.400.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải - CN Vũng Tàu	-	1.347.400.000
Cộng	56.364.336.094	39.679.420.828

(a) Ngân hàng TMCP Hàng hải - CN Vũng Tàu

Hợp đồng tín dụng hạn mức 0039/2012/HĐTDHM. Hạn mức 18.800.000.000 đồng dùng bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công xây dựng.

Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 06 tháng, kể từ ngày 01/07/2013.

Lãi suất cụ thể đối với mỗi lần giải ngân được thỏa thuận trong từng khế ước nhận nợ.

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 00031/2013/HĐTDHM. Hạn mức 15.900.000.000 đồng dùng bổ sung vốn lưu động thi công xây dựng và thanh toán tiền nhân công.

Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 6 tháng kể từ ngày 28/08/2013.

Lãi suất cụ thể đối với mỗi lần giải ngân được thỏa thuận trong từng khế ước nhận nợ.

Tài sản đảm bảo: Thẻ chấp bằng quyền đòi nợ theo Hợp đồng thi công xây dựng số 51/HĐKT ngày 30/10/2009 giữa Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC) số 2 và Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng; Quyền sử dụng đất lâu dài văn phòng Công ty tại khu Đô thị Chí Linh, phường Thắng Nhất, TP.Vũng Tàu (diện tích 448,20 m2) theo Giấy chứng nhận số: T06 752 cấp ngày 18/01/2008; Máy ép cọc thủy lực tự hành Model DBYZY 600B; Máy ép cọc thủy lực tự hành Model DBYZY 600H; Cầu tháp Model NTP (QTZ 6015).

(b) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Vũng Tàu

Hợp đồng tín dụng hạn mức 760/2013/HĐTDHM, hạn mức tín dụng 10 tỷ, dùng bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công xây dựng.

Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 06 tháng, kể từ ngày 05/07/2013.

Lãi suất cụ thể đối với mỗi lần giải ngân được thỏa thuận trong từng khế ước nhận nợ.

Hợp đồng tín dụng hạn mức 01/2013/08600370/HĐHM, dùng bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công xây dựng.

Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 06 tháng, kể từ ngày 31/10/2013.

Lãi suất trong hạn 10,5%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi 3 tháng 1 lần kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng.

Tài sản đảm bảo: 01 Máy ép cọc thủy lực YZY 600H, 01 Cầu tháp QTZ 5013D, 02 máy ép cọc YZY 400D, 01 máy khoan xoắn ruột gà, 01 xe Toyota Corolla 72N-8605.

(c) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Bà Rịa

Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD ngày 03/05/2012, hạn mức tín dụng 25 tỷ đồng.

Phụ lục sửa đổi bổ sung số 01/2013/PLHĐ ngày 10/05/2013, gia hạn thời gian trả nợ đến ngày 31/01/2014.

Mục đích vay thanh toán tiền nguyên vật liệu và lương nhân công, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên.

Lãi suất trong hạn 13,5%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi 3 tháng 1 lần kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng.

Tài sản đảm bảo: Bảo lãnh của Tổng Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng.

(d) Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng

Hợp đồng vay số 04/HĐTDNH/2013 ngày 24/07/2013.

Mục đích vay thanh toán nợ gốc vay tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Bà Rịa.

Lãi suất vay 13,5%/năm, thời hạn trả nợ 30/08/2013.

(e) Vay cá nhân

Bà Lâm Thị Thơ theo HĐTD ngắn hạn số 04/HĐTD ngày 29/03/2012, số tiền vay 300 triệu đồng, lãi suất 16%/năm, thời gian vay một năm; Phụ lục HĐTD ngắn hạn số 03/PLHĐTD ngày 27/03/2013 gia hạn vay đến 31/12/2013.

Bà Lê Thị Hương theo HĐTD ngắn hạn số 05/HĐTD ngày 03/04/2012, số tiền vay 500 triệu đồng, lãi suất 16%/năm, thời gian vay một năm; Phụ lục HĐTD ngắn hạn số 03/PLHĐTD ngày 27/03/2013 gia hạn vay đến 31/12/2013.

Bà Trần Duy Lợi theo HĐTD ngắn hạn số 03A/HĐTD ngày 29/03/2012, số tiền vay 600 triệu đồng, lãi suất vay 16%/năm, thời gian vay một năm; Phụ lục HĐTD ngắn hạn số 03/PLHĐTD ngày 27/03/2013 gia hạn vay đến 31/12/2013.

Bà Trần Thị Hồng Trâm theo HĐTD ngắn hạn số 13/HĐTD ngày 27/06/2013, số tiền vay 450 triệu đồng, lãi suất vay 12%/năm, thời gian vay một năm.

Ông Nguyễn Văn Chánh theo HĐTD ngắn hạn số 21/HĐTD ngày 26/09/2013, số tiền vay 400 triệu đồng, lãi suất vay 12%/năm, thời gian vay một năm.

11. Phải trả người bán

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty CP DIC Bê tông	67.318.350	3.922.592.370
Công ty CP XD TM&SX Đa Vít	213.074.993	2.013.074.993
Công ty CP DIC số 4	542.344.645	-
Công ty CP KD VLXD số 15	883.245.316	1.972.210.349
Công ty CP DIC số 1	557.885.709	509.083.971
Công ty CP Nam Việt	696.559.922	-
DNTN Ngọc Hà - Minh	131.705.098	570.646.980
DNTN Đại Tuấn	814.006.700	352.571.700
Công ty TNHH TMDV & XD Minh Tiến	1.338.545.612	2.738.545.612
Công ty TNHH Halla Việt Nam	1.730.053.300	1.412.568.300
Công ty TNHH Xây dựng Đất Lợi	811.209.072	-
Các khách hàng khác	2.800.480.921	1.921.134.304
Cộng	10.586.429.638	15.412.428.579



12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.759.089.655	1.149.641.666
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.805.410.505	3.818.728.725
Thuế thu nhập cá nhân	150.264.469	238.280.983
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.127.431.311	355.442.871
Cộng	7.842.195.940	5.562.094.245

13. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	502.451.614	572.723.996
Bảo hiểm xã hội	-	98.561.928
Các khoản phải trả, phải nộp khác	369.928.000	-
<i>Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát</i>	<i>200.000.000</i>	-
<i>Lãi vay cá nhân</i>	<i>169.928.000</i>	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	4.461.398
Cộng	872.379.614	675.747.322

14. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	25.200.000.000	6.605.309.091	2.840.515.816	964.235.848	4.984.265.350	40.594.326.105
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	712.882.382	712.882.382
Trích lập các quỹ	-	-	389.013.000	194.506.000	(1.167.038.000)	(583.519.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(3.780.000.000)	(3.780.000.000)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	25.200.000.000	6.605.309.091	3.229.528.816	1.158.741.848	750.109.732	36.943.689.487
Số dư đầu năm nay	25.200.000.000	6.605.309.091	3.229.528.816	1.158.741.848	750.109.732	36.943.689.487
Tăng vốn năm nay	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(3.127.968.917)	(3.127.968.917)
Trích lập các quỹ	-	-	71.288.238	35.644.119	(213.864.000)	(106.931.643)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Biến động khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	25.200.000.000	6.605.309.091	3.300.817.054	1.194.385.967	(2.591.723.185)	33.708.788.927

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN - XÂY DỰNG (DIC) SỐ 2**

Địa chỉ : Số 5 Đường số 6 Khu Đô Thị Chí Linh, Phường Thắng Nhất, TP Vũng Tàu.

Điện thoại : (84-64) 3.613.944

Fax : (84-64)3.582.017 – 3.616365

Website : www.dic-2.com

Email : thanhhaidic2@gmail.com

Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2012 theo biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/2013/BB/ĐHĐCĐ ngày 10/05/2013

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013		01/01/2013	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển				
Xây dựng	10.500.000.000	42	10.500.000.000	42
Vốn góp của các cổ đông khác	14.700.000.000	58	14.700.000.000	58
Cộng	25.200.000.000	100	25.200.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	25.200.000.000	25.200.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	25.200.000.000	25.200.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.520.000	2.520.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.520.000	2.520.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.520.000	2.520.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.520.000	2.520.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.520.000	2.520.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	54.544.403	51.171.212
Doanh thu hợp đồng xây dựng	69.803.062.904	58.210.383.480
Cộng	69.857.607.307	58.261.554.692

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	68.194.411.764	54.414.304.547
Cộng	68.194.411.764	54.414.304.547

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.328.036	10.606.047
Lãi bán hàng trả chậm	1.625.011.832	1.006.842.548
Cộng	1.628.339.868	1.017.448.595

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	3.872.001.475	3.169.526.994
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	56.805.590	-
Cộng	3.928.807.065	3.169.526.994

5. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hoàn nhập chi phí trích trước công trình	-	1.095.694.091
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	54.839.091
Thu thanh lý TSCĐ	31.818.182	50.000.000
Xóa nợ phải trả	-	80.004.877
Thu nhập khác	19.166.438	43.553.568
Cộng	50.984.620	1.324.091.627

1. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt nộp chậm thuế và BHXH	805.634.419	384.916.270
Phạt vi phạm hành chính	-	25.000.000
Xóa nợ phải thu	-	116.191.565
Chi phí khác	2.000.000	80.625
Cộng	807.634.419	526.188.460

2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan Thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.127.968.917)	782.060.966
Các khoản điều chỉnh tăng	921.438.419	590.347.460
- Chi phí không được tính vào chi phí hợp lý	921.438.419	590.347.460
Các khoản điều chỉnh giảm	-	1.095.694.091
- Hoàn nhập trích trước chi phí sửa chữa	-	1.095.694.091
Tổng lợi nhuận tính thuế	(2.206.530.498)	276.714.335
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	-	69.178.584

3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.127.968.917)	712.882.382
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	(3.127.968.917)	712.882.382
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.520.000	2.520.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(1.241)	283

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN - XÂY DỰNG (DIC) SỐ 2**

Địa chỉ : Số 5 Đường số 6 Khu Đô Thị Chí Linh, Phường Thắng Nhất, TP Vũng Tàu.

Điện thoại : (84-64) 3.613.944

Fax : (84-64)3.582.017 – 3.616365

Website : www.dic-2.com

Email : thanhhaidic2@gmail.com

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.036.534.920	34.107.621.179
Chi phí nhân công	10.527.090.266	16.522.677.478
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.821.380.246	9.815.971.285
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.118.251.876	3.743.502.241
Chi phí khác	3.205.643.048	2.136.073.554
Cộng	63.708.900.356	66.325.845.737

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan và các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Các nghiệp vụ chủ yếu trong năm như sau:

Nội dung nghiệp vụ/Bên liên quan	Mối quan hệ	Giá trị giao dịch VND	Số dư cuối năm VND
Phải thu về cung cấp sản phẩm			
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển XD	Công ty liên kết	68.839.884.012	42.344.848.916
Phải trả về mua sản phẩm, dịch vụ			
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển XD	Công ty liên kết	15.968.226	5.095.640
Vay ngắn hạn			
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển XD	Công ty liên kết	825.000.000	825.000.000
Lãi vay phải trả			
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển XD	Công ty liên kết	58.200.000	49.500.000
Lãi bán hàng trả chậm			
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển XD	Công ty liên kết	815.721.770	246.531.475
Góp vốn đầu tư dự án			
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển XD	Công ty liên kết	-	8.000.000.000

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.467.977.000	1.902.851.830
Cộng	1.467.977.000	1.902.851.830

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN - XÂY DỰNG (DIC) SỐ 2**

Địa chỉ : Số 5 Đường số 6 Khu Đô Thị Chí Linh, Phường Thắng Nhất, TP Vũng Tàu.

Điện thoại : (84-64) 3.613.944

Fax : (84-64)3.582.017 – 3.616365

Website : www.dic-2.com

Email : thanhhaidic2@gmail.com

2. Báo cáo bộ phận**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận kinh doanh chính của Công ty là xây dựng các công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật. Ngoài ra Công ty còn có dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị, nhưng trong năm phát sinh không đáng kể.

Chỉ Tiêu	Xây dựng		Dịch vụ khác		Cộng	
	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Tổng doanh thu thuần	69.803.062.904	58.210.383.480	54.544.403	51.171.212	69.857.607.307	58.261.554.692
Chi phí bộ phận	(68.194.411.764)	(54.414.304.547)	-	-	(68.194.411.764)	(54.414.304.547)
Kết quả kinh doanh bộ phận	1.608.651.140	3.796.078.933	54.544.403	51.171.212	1.663.195.543	3.847.250.145
Doanh thu hoạt động tài chính					1.628.339.868	1.017.448.595
Chi phí tài chính					(3.928.807.065)	(3.169.526.994)
Chi phí bán hàng					-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(1.734.047.464)	(1.711.013.947)
Thu nhập khác					50.984.620	1.324.091.627
Chi phí khác					(807.634.419)	(526.188.460)
Thuế TNDN hiện hành					-	(69.178.584)
Lợi nhuận sau thuế					(3.127.968.917)	712.882.382

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	754.497.842	587.636.075	754.497.842	587.636.075
Phải thu khách hàng và phải thu khác	44.080.022.540	24.227.854.591	44.080.022.540	24.227.854.591
Các khoản đầu tư dài hạn khác	8.094.694.410	8.151.500.000	8.094.694.410	8.151.500.000
Cộng	52.929.214.792	32.966.990.666	52.929.214.792	32.966.990.666
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	56.364.336.094	39.679.420.828	56.364.336.094	39.679.420.828
Chi phí phải trả	49.500.000	23.589.357	49.500.000	23.589.357
Phải trả người bán và phải trả khác	10.956.357.638	15.515.451.905	10.956.357.638	15.515.451.905
Cộng	67.370.193.732	55.218.462.090	67.370.193.732	55.218.462.090

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán niêm yết. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2013 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Các khoản đầu tư khác không có giá tham khảo từ các nguồn tin cậy thì giá trị hợp lý được lấy theo giá trị sổ sách.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

4. Tài sản đảm bảo

Công ty có tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác vào ngày 31/12/2013 và vào ngày 31/12/2012 (được thuyết minh tại V.6, V.7 và V.10)

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN - XÂY DỰNG (DIC) SỐ 2**

Địa chỉ : Số 5 Đường số 6 Khu Đô Thị Chí Linh, Phường Thắng Nhất, TP Vũng Tàu.

Điện thoại : (84-64) 3.613.944

Fax : (84-64)3.582.017 – 3.616365

Website : www.dic-2.com

Email : thanhhaiddic2@gmail.com

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng VND
Số cuối năm	67.370.193.732		67.370.193.732
Các khoản vay	56.364.336.094		56.364.336.094
Phải trả người bán	10.586.429.638		10.586.429.638
Chi phí phải trả	49.500.000		49.500.000
Phải trả khác	369.928.000		369.928.000
Số đầu năm	55.218.462.090		55.218.462.090
Các khoản vay	39.679.420.828		39.679.420.828
Phải trả người bán	15.412.428.579		15.412.428.579
Chi phí phải trả	23.589.357		23.589.357
Phải trả khác	103.023.326		103.023.326

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty không có rủi ro ngoại tệ do đồng tiền sử dụng trong thanh toán là Việt Nam đồng.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN - XÂY DỰNG (DIC) SỐ 2**

Địa chỉ : Số 5 Đường số 6 Khu Đô Thị Chí Linh, Phường Thắng Nhất, TP Vũng Tàu.

Điện thoại : (84-64) 3.613.944

Fax : (84-64)3.582.017 – 3.616365

Website : www.dic-2.com

Email : thanhhaidic2@gmail.com

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt kiểm toán.

9. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

10. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	13,74	23,60
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	86,26	76,40
Cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	70,01	67,26
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	29,99	32,74
Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	1,43	1,49
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,23	1,14
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,01	0,01
Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	(4,38)	1,32
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	(4,38)	1,20
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	(2,78)	0,69
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	(2,78)	0,63
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	(9,28)	1,93

Vũng Tàu, Tháng 04 năm 2014
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Hải